TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2018/HS-ST
Ngày 07-6-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thị Bưởi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2018/TLST - HS ngày 14 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXXST-HS ngày 23/5/2018 đối với bị cáo:

Nông Văn T. Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 07/02/1995 tại huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn C và bà Đinh Thị T; vợ con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Ngọc Lý – thuộc Tổng cục 8- Bộ Công an, có mặt tại phiên tòa.

**** Bị hại***: Bà Hứa Thị D, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

* ***Người làm chứng*:** Anh Hoàng Đàm N, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 06/3/2018 Nông Văn T trên đường vào nhà Hoàng Đàm N, sinh năm 1993 trú cùng thôn để rủ N đi chơi, khi đi qua nhà bà Hứa

Thị D thì thấy vách ván bưng nhà bà D có khe hở, quan sát trong nhà, xung quanh không có người nên T nảy sinh ý định vào nhà bà D trộm cắp tài sản, T dùng tay kéo tấm ván bị hở ra và trèo lên, chui người qua khe hở vào trong nhà, khi lục lọi tìm tài sản T phát hiện chiếc áo khoác màu hồng treo trong buồng, nên lục tìm thì thấy có nhiều tiền tại túi phía bên phải, T lấy ra thấy có nhiều tờ tiền lẻ với các mệnh giá khác nhau rồi cho vào trong túi quần đang mặc, sau đó T đi ra phòng khách đến gần chiếc tủ đứng dùng tay sờ lên trên nóc tủ thấy có 02 chiếc chìa khóa móc chung 01 vòng sắt, T lấy chìa khóa này mở ngăn tủ phía bên phải thì mở được, T phát hiện thấy tại đáy tủ có số tiền 2.000.000 đồng gồm 4 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng rồi T lấy hết số tiền cho vào trong túi quần và khóa cánh tủ lại, cất chìa khóa vào vị trí ban đầu rồi đi ra khỏi nhà bằng lối cũ. Sau khi lấy được tiền, đếm được 2.060.000đ *(Hai triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng)* T rủ N đi đến thị trấn P, huyện B và tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 07/3/2018 Nông Văn T ra tự thú tại Công an huyện B về việc ngày 06/3/2018 T đã có hành vi lén lút vào trong nhà bà Hứa Thị D, sinh năm 1965, trú tại thôn T, xã V, huyện B lấy trộm số tiền 2.060.000 đồng.

Tại Quyết định truy tố số 01/QĐ-VKS-BT ngày 13/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Nông Văn T tội: "*Trộm cắp tài sản*" quy định tại khoản 1 Điều 173/BLHS;

**** Điều luật có nội dung:***

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

..."

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên nội dung truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 56/BLHS

Xử phạt bị cáo Nông Văn T từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù. Tổng hợp với Bản án số 22/2018/HS-ST ngày 21/3/2018 của TAND huyện B1, tỉnh Bắc Kạn xử phạt bị cáo T 06 (Sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của các bản án. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành bản án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo, bị hại đã tự thỏa thuận được với nhau đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận về bồi thường thiệt hại.

Việc thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 357/BLDS

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS.

Trả lại cho bà Hứa Thị D: 01 (một) chiếc áo khoác (loại áo nữ) màu hồng; 02 (hai) chìa khóa được móc chung một vòng sắt.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Quyết định truy tố đã nêu. Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí bị cáo thi hành theo quy định.

Bà Hứa Thị D yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền đã lấy trộm là 2.060.000 đồng, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xin lại áo khoác và chùm chìa khóa mà cơ quan điều tra đã tạm giữ.

Tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Bị cáo nói lời sau cùng xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa , những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa xác định: Khoảng 10 giờ, ngày 06/3/2018, tại nhà ở của bà Hứa Thị D, thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, Nông Văn T đã lén lút lấy ở khoác màu hồng treo trong buồng lấy được số tiền 60.000 đồng và lấy ở trong tủ số tiền 2.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo lấy được là 2.060.000đ *(Hai triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng)*. T đã chi tiêu cá nhân hết số tiền trên. Toàn bộ số tiền mà T trộm cắp là tài sản của bà Hứa Thị D, sinh năm 1965, trú tại thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Ngày 07/3/2018 bị cáo đến Công an huyện B tự thú hành vi phạm tội của mình.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Xét thấy lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy việc truy tố, xét xử bị cáo Nông Văn T về tội: "*Trộm cắp tài sản*" quy định tại khoản 1 Điều 173/ BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất hành vi do bị cáo thực hiện là nguy hiểm, xâm phạm quyền sở hữu tài sản, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương vì vậy cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]. *Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:*

- Bị cáo Nông Văn T có nhân thân xấu: Tại Bản án số 22/2018/HS-ST ngày 21/3/2018 của TAND huyện B1, tỉnh Bắc Kạn xử phạt bị cáo T 06 (Sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Năm 2013 bị Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Bắc Kạn áp dụng biện pháp đưa người nghiện ma túy vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là "Người phạm tội tự thú" và "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" theo quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51/BLHS. Bị cáo có ông nội là ông Nông Văn B được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, có bác ruột là ông Nông Văn T1 là liệt sĩ mà bố đẻ bị cáo là người thờ cúng, ông Nông Văn T1 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, huân chương chiến công giải phóng hạng ba và Huy chương chiến sĩ giải phóng nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51/BLHS.

Tại Bản án số 22/2018/HS-ST ngày 21/3/2018 của TAND huyện B1, tỉnh Bắc Kạn xử phạt bị cáo T 06 (Sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", được trừ thời gian bị tạm giữ là 02 ngày (từ ngày 30/11/2017 đến ngày 01/12/2017); bản án này không có kháng cáo, không bị kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật. Do đó HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56/BLHS tổng hợp hình phạt của các bản án đối với bị cáo.

[4]. Trong vụ án này anh Hoàng Đàm N là người cùng T đến thị trấn P chơi và được T mời ăn tiêu số tiền trộm cắp mà có. Tuy nhiên N không biết hành vi vi phạm pháp luật của T nên không xem xét xử lý.

[5]. *Về trách nhiệm dân sự:* Tại phiên tòa bị cáo, bị hại thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường, cụ thể: Bị cáo T sẽ có trách nhiệm bồi thường cho bà D số tiền đã lấy trộm là 2.060.000đ (*Hai triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng*). Xét thấy thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội do đó áp dụng Điều 48/BLHS; Điều 584; Điều 585; Điều 586 và Điều 589/BLDS ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại.

Việc thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 357/BLDS hướng dẫn về việc tính lãi xuất.

[6]. *Về vật chứng:*Áp dụng Điều 47/BLHS 2015; Điều 106/BLTTHS 2015.

Trả lại cho bà Hứa Thị D: 01 (một) chiếc áo khoác (loại áo nữ) màu hồng; 02 (hai) chìa khóa được móc chung một vòng sắt.

[7]. *Hình phạt bổ sung:* Bị cáo Nông Văn T không có công việc và thu nhập ổn định, thuộc diện hộ cận nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8]. *Về án phí:* Bị cáo T thuộc diện hộ cận nghèo và có đơn xin miễn nộp toàn bộ tiền án phí. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều

15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, HĐXX miễn toàn bộ số tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

**** Tuyên bố:*** Bị cáo Nông Văn T phạm tội *" Trộm cắp tài sản".*

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 56/BLHS.

Xử phạt bị cáo Nông Văn T 06 (Sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt tại Bản án số 22/2018/HS-ST ngày 21/3/2018 của TAND huyện B1, tỉnh Bắc Kạn xử phạt bị cáo T 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", được trừ thời gian bị tạm giữ là 02 ngày (từ ngày 30/11/2017 đến ngày 01/12/2017). Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 12 (Mười hai) tháng tù, được trừ thời gian bị tạm giữ là 02 ngày (từ ngày 30/11/2017 đến ngày 01/12/2017). Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành bản án.

**Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng Điều 48/BLHS; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589/BLDS.

Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo, bị hại về việc bồi thường, cụ thể: bị cáo Nông Văn T có trách nhiệm bồi thường cho bà Hứa Thị D, sinh năm 1965, trú tại: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền là 2.060.000đ (*Hai triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Việc thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 357/BLDS hướng dẫn về việc tính lãi xuất.

** Về vật chứng:*Áp dụng Điều 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS.

Trả lại cho bà Hứa Thị D: 01 (một) chiếc áo khoác (loại áo nữ) màu hồng; 02 (hai) chìa khóa được móc chung một vòng sắt.

Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao nhận giữa Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

** Về án phí*: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Bị cáo Nông Văn T được miễn nộp toàn bộ án phí của vụ án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện B 1;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn 1;
- CA huyện B 2;
- Bị cáo 1;
- Bị hại 1
- TA tỉnh 1;
- Sở tư pháp 1;
- THADS 1;
- Lưu Hồ sơ vụ án 1;
- Lưu 1;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lý Thị Thúy